

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-BNN-TCTL ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-BNN-TCTS ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-BNN-TCLN ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế về lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo Tờ trình của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục **09 (Chín)** thủ tục hành chính (TTHC) và bãi bỏ **10 (Mười)** TTHC lĩnh vực được công bố tại Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa, danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THNV. *03bcu*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *2021*



Lê Thanh Bình

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số: **601/QĐ-UBND** ngày **25** tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy sản (08 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;	-Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
02	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	- Nộp hồ sơ trực tuyến. www.dichvucong.tra Vinh.gov.vn .	
03	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	(Mức độ: 4)	
04	Xóa đăng ký tàu cá	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp hồ sơ trực tuyến. www.dichvucong.tra Vinh.gov.vn .	

						(Mức độ: 3)	- Thông tư số
05	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp hồ sơ trực tuyến www.dichvucong.travinh.gov.vn . (Mức độ: 4)	01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
06	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; 02 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất)	Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp hồ sơ trực tuyến. www.dichvucong.travinh.gov.vn . (Mức độ: 4)	-Luật Thủy sản ngày 15/11/2017; - Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; -Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản. -Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí,

							lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch covid - 19.
07	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	02 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo từng hạng mục II Biểu mức phí, lệ phí ban hành theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC	Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp hồ sơ trực tuyến. www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 4)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 15/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản. - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề

							<p>cá; phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thăm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.</p>
08	<p>Cấp Giấy chứng nhận thăm định thiết kế tàu cá</p>	<p>20 ngày làm việc đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu; 10 ngày làm việc đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC</p>	<p>Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp hồ sơ trực tuyến. www.dichvucong.travinh.gov.vn. (Mức độ: 3)</p>	<p>- Luật Thủy sản 15/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản. - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày</p>

							02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
II	Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)						
01	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	<p>- Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thành lập Hội đồng thẩm định, tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường, lập biên bản thẩm định và báo cáo thẩm định;</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định và báo cáo thẩm định,</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống,</p> <p>- Công nhận vườn giống, 2.400.000 đồng/vườn giống;</p> <p>- Công nhận cây mẹ: 450.000 đồng/01cây.</p> <p>- Công nhận cây đầu</p>	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến www.dichvucong.tra Vinh.gov.vn (Mức độ: 4)</p>	-Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

		Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền tại địa phương quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.		dòng: 1.000.000 đồng/01 cây. - Công nhân rừng giống: 2.750.000 đồng/01 rừng.			
--	--	--	--	--	--	--	--

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Thủy sản (08 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá.
4	Xóa đăng ký tàu cá.
5	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)
6	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)
7	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá
II. Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)	
1	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp
III. Lĩnh vực Thủy lợi (02 TTHC)	
1	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
2	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.